

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/2017/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất
tại các xã nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng do ngân sách tỉnh đầu tư
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2018 - 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương;

Xét Tờ trình số 7673/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tại các xã nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng do ngân sách tỉnh đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tại 21 xã có tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2016 trên 15% (theo danh sách đính kèm) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng do ngân sách tỉnh đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

- Hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

Thứ tự ưu tiên khi bình xét hỗ trợ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Điều kiện hỗ trợ:

Hộ gia đình phải tự nguyện tham gia; cam kết thực hiện đúng các quy định về đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững; sử dụng vốn đúng mục đích; cam kết về tỷ lệ vốn đối ứng; các điều kiện về sản xuất như đất đai, lao động, trang thiết bị sản xuất.

Hộ gia đình nhận hỗ trợ phải có đơn đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững và đăng ký nhu cầu hỗ trợ sản xuất.

Hộ gia đình được nhận hỗ trợ từ chính sách này phải có tỷ lệ vốn đối ứng ít nhất bằng 30% kinh phí ngân sách hỗ trợ. Vốn đối ứng của hộ gia đình bao gồm: tiền mặt, vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, chuồng trại, nhà xưởng, trang thiết bị phục vụ sản xuất khác.

3. Nội dung, mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ:

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 1 được hỗ trợ các chính sách sau:

- Hỗ trợ khai hoang, phục hóa để sản xuất nông nghiệp theo mức 15 triệu đồng/ha khai hoang, 10 triệu đồng/ha phục hóa;

- Trồng trọt: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, nông cụ sản xuất, vật tư nông nghiệp theo mức 10 triệu đồng/ha;

- Chăn nuôi: Hỗ trợ giống, thức ăn chăn nuôi với mức không quá 10 triệu đồng/hộ. Riêng hộ nghèo nếu chưa có chuồng trại chăn nuôi, được hỗ trợ thêm 02 triệu đồng/hộ để làm chuồng trại;

- Phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ cải tạo nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ vật tư sản xuất với mức không quá 10 triệu đồng/hộ;

- Hỗ trợ dạy nghề cho lao động thuộc hộ được hỗ trợ gắn với các nội dung hỗ trợ sản xuất với thời gian từ 01 tuần (tương đương 30 giờ) đến 02 tuần (tương đương 60 giờ):

+ Mức học phí thanh toán cho đơn vị dạy nghề là 200.000 đồng/tuần/học viên tốt nghiệp;

+ Người học nghề hoàn thành chương trình đào tạo được hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học;

+ Số tiền dành cho hỗ trợ dạy nghề không quá 15% số tiền phân bổ hàng năm cho mỗi xã.

b) Mức hỗ trợ tối đa mỗi hộ:

Mỗi hộ nghèo được hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/năm; hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/năm.

Trong giai đoạn 2018 - 2020, tổng số tiền mỗi hộ nghèo được hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hộ.

Trường hợp hộ gia đình đã được hỗ trợ phát triển sản xuất từ Chương trình 135, Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất các địa bàn ngoài Chương trình 135 sử dụng vốn ngân sách trung ương, các chương trình, dự án khác thì tổng số tiền được hỗ trợ theo quy định này và các chương trình, dự án trên không vượt quá mức hỗ trợ trên.

c) Phương thức hỗ trợ:

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định nhà nước và tình hình thực tế địa phương hướng dẫn phương thức hỗ trợ phù hợp từng nội dung hỗ trợ.

4. Phân bổ kinh phí:

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu đăng ký của đối tượng được hỗ trợ, các xã tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân huyện để kiểm tra, phê duyệt và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho từng xã.

5. Kinh phí quản lý, kiểm tra, giám sát:

Các xã được sử dụng tối đa không quá 3% nguồn ngân sách nhà nước phân bổ cho các nội dung được hỗ trợ để chi cho công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khoá IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ LĐ-TB và XH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chi cục VT, LT tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận



**DANH SÁCH 21 XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**
(Kèm theo Nghị quyết số 67/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên xã
I	Huyện Lạc Dương
1	Xã Đạ Chais
2	Xã Đưng K'Nóh
II	Huyện Đơn Dương
3	Xã Proh
III	Huyện Đức Trọng
4	Xã Đạ Quyn
5	Xã N'Thol Hạ
IV	Huyện Lâm Hà
6	Xã Mê Linh
V	Huyện Di Linh
7	Xã Đinh Trang Thượng
8	Xã Gia Bắc
9	Xã Sơn Điền
10	Xã Bảo Thuận
11	Xã Gung Réh
12	Xã Liên Đàm
VI	Huyện Bảo Lâm
13	Lộc Bắc
14	Lộc Nam
VII	Huyện Đạ Tẻh
15	Đạ Pal
16	Quốc Oai
VIII	Huyện Cát Tiên
17	Xã Mỹ Lâm
18	Xã Đồng Nai Thượng
19	Xã Tư Nghĩa
20	Xã Nam Ninh
21	Xã Phước Cát 2

4